

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-ST

Ngày: 15-8-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST – DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương S:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân xã X. Địa chỉ trụ sở: Xóm 3, xã X, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bị đơn: Anh Phạm Quốc S, sinh năm 1984 và chị Trần Thị K, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã X, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Hẻm 139 Đỗ Văn Thi, phường Y, thành phố Z, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C có mặt; anh S, chị K vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân xã X trình bày:*

Trước năm 2016, vợ chồng anh Phạm Quốc S, chị Nguyễn Thị K đã nhiều lần ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân xã X (Quỹ tín dụng X) để vay vốn làm ăn. Giữa tháng 6 năm 2016, Quỹ tín dụng X tiếp tục nhận được đơn yêu cầu vay vốn từ vợ chồng anh S, chị K. Sau khi xem xét đơn yêu cầu vay vốn, yêu cầu thế chấp, Quỹ tín dụng X đã tiến hành xem xét, thẩm định lại tài sản anh S, chị K tự nguyện thế chấp tại các lần vay trước đó. Xét thấy vợ chồng ông S, bà K có đủ điều kiện vay, Quỹ tín dụng đã lập hồ sơ, cùng vợ chồng ông S, bà K ký Hợp đồng tín dụng số 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016. Nội dung chính của Hợp đồng bao gồm: Quỹ tín dụng nhân dân xã X đồng ý cho ông S, bà K vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2016 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); lãi suất 0,95%/tháng; lãi suất quá hạn 1,425%/tháng; trả lãi vào ngày 20 hàng tháng; lãi suất gia hạn (điều chỉnh kỳ hạn nợ) bằng 125% lãi suất trong hạn; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn....

Để đảm bảo cho khoản vay, Quỹ tín dụng nhân dân xã X và vợ chồng anh S, chị K đã thỏa thuận tiếp tục duy trì, thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà các bên đã ký kết vào ngày 29 tháng 12 năm 2014. Theo đó, vợ chồng anh S, chị K cam kết: Trong trường hợp đến hạn, vợ chồng anh S, chị K không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã X có quyền yêu cầu đòi nợ và xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng thổ đất diện tích 155m² tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 8 xã X, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tên ông Phạm Quốc S, bà Nguyễn Thị K và nhà mái bằng, công trình xây dựng khác trên thửa đất này.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh S, chị K đã trả lãi theo thỏa thuận cho Quỹ tín dụng X đến hết ngày 31/12/2016 thì vi phạm hợp đồng, không tiếp tục trả lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân xã X nữa. Quỹ tín dụng đã nhiều lần yêu cầu traе nợ, vợ chồng anh S, chị K đều xin khất nợ, đã được Quỹ tín dụng X gia hạn nợ đến hết năm 2022. Nay Quỹ tín dụng nhân dân xã X đề nghị Tòa án:

1. Buộc vợ chồng anh S, chị K phải thanh toán trả Quỹ tín dụng X số tiền vay gốc nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi đến ngày 15/8/2023 là 346.949.000đ (trong đó: Lãi trong hạn là 14.915.000đ; lãi suất quá hạn là 322.770.000đ; lãi phạt 9.264.000đ). Kể từ ngày 16/8/2023, ông S, bà K còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Quỹ tín dụng X.

2. Trường hợp khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực, vợ chồng ông S, bà K không trả hoặc trả không đủ nợ thì Quỹ tín dụng X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đối với tài sản đã thế chấp gồm: Quyền sử dụng thổ đất diện tích 155m² tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 8 xã X,

GCNQSDĐ tên ông Phạm Quốc S, bà Nguyễn Thị K và nhà hai tầng, công trình phụ, công trình xây dựng khác trên thửa đất này.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ, buộc vợ chồng anh S, chị K phải tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tại văn bản trình bày không ghi tiêu đề, không ghi ngày tháng, bị đơn vợ chồng anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K công nhận còn nợ gốc tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X là 300.000.000đ; nợ lãi từ năm 2017 cho đến nay. Do điều kiện khó khăn nên anh S, chị K đề nghị Quỹ tín dụng X gia hạn thời gian trả nợ trong vòng 18 tháng tiếp theo.

Tại phiên tòa, Quỹ tín dụng X không nhất trí tiếp tục gia hạn thời hạn trả nợ theo yêu cầu của vợ chồng anh S, chị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân S, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân S (BLTTDS). Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa. Bị đơn đã có bản tự khai gửi đến Tòa án nhưng không tham gia buổi làm việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp; không tham gia phiên họp, phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do chính đáng là chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân S.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 298, 299, 301, 307, 317, 320, 466, 468, 470 Bộ luật Dân S 2015; các Điều 95, 118 Luật các tổ chức Tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân xã X. Buộc vợ chồng anh S, chị K phải trả cho Quỹ tín dụng Nhân dân xã X toàn bộ nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp anh S, chị K không trả được nợ thì Quỹ tín dụng Nhân dân xã X có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp; nếu tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì anh S, chị K còn phải tiếp tục thực hiện cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh S, chị K được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân S, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị K.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa Quỹ tín dụng Nhân dân xã X với anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K thì thấy:

Quỹ tín dụng nhân dân xã X và vợ chồng anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K đều là các chủ thể tham gia giao dịch dân S với đầy đủ năng lực hành vi dân S; việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản bộ phận khác kèm theo không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức các hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương S đều không có ý kiến đề nghị gì về hình thức, nội dung các hợp đồng đã ký. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà Quỹ tín dụng Nhân dân xã X đã ký với anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K và các văn bản bộ phận kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng, thực hiện.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

3.1. Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016: Vợ chồng anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã X số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, đã giải ngân ngày 02/6/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S, chị K chưa trả gốc cho Quỹ tín dụng. Về lãi: Anh S, chị K đã trả lãi đến ngày 31/12/2016, từ đó đến nay không trả nữa. Như vậy, tính đến ngày 15/8/2023, vợ chồng anh S, chị K còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã X tổng số tiền là 646.949.000đ, trong đó: Nợ gốc 300.000.000đ và tổng tiền nợ lãi đến ngày 15/8/2023 là 346.949.000đ (gồm: Lãi trong hạn là 14.915.000đ; lãi suất quá hạn là 322.770.000đ; lãi phạt 9.264.000đ).

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh S, chị K công nhận đã ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp với Quỹ tín dụng nhân dân xã X; công nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đề nghị được gia hạn thời hạn trả nợ thêm 18 tháng. Quỹ tín dụng nhân dân xã X không nhất trí với yêu cầu gia hạn nợ của anh S, chị K. Do anh S, chị K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nên việc Quỹ tín dụng nhân dân xã X chấm dứt hợp đồng, yêu cầu anh S, chị K phải trả khoản vay gốc và lãi như trên là có căn cứ, phù hợp pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Đối với yêu cầu buộc ông S, bà K phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ:

Tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã quy định: “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

Trong khi đó, tại khoản 5 Điều I Hợp đồng số 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016, các bên đã thỏa thuận về lãi suất như sau: Lãi suất cho vay 0,95%/tháng; lãi suất quá hạn 1,425%/tháng, lãi suất gia hạn (điều chỉnh kỳ hạn nợ) bằng 125% lãi suất trong hạn; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo các tài liệu nguyên đơn nộp cho Tòa án, mức lãi suất mà Quỹ tín dụng nhân dân xã X hiện đang áp dụng cho khoản vay còn tồn đọng của ông S, bà K phù hợp với thỏa thuận của các bên khi giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tại Điều VIII của Hợp đồng còn quy định: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên B (ông S, bà K) thanh toán cho bên A (Quỹ tín dụng nhân dân xã X) đầy đủ gốc và lãi tiền vay, các khoản phí (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng hoặc thay thế bằng Hợp đồng tín dụng khác.

Do đó, yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã X về việc đề nghị Tòa án tuyên buộc anh S, chị K thanh toán tiếp phần lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, lãi phạt và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo các Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên trong bản án nội dung: “Trường hợp khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực, vợ chồng anh S, chị K không trả hoặc trả không đủ nợ thì Quỹ tín dụng X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Đề đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016, Quỹ tín dụng X và vợ chồng anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K đã thỏa thuận tiếp tục duy trì, thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà các bên đã ký ngày 29 tháng 12 năm 2014. Theo đó, tài sản vợ chồng anh S, chị K tự nguyện thế chấp cho Quỹ tín dụng X để đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất diện tích 155m² tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 8 xã X, GCNQSDĐ tên ông Phạm Quốc S, bà Nguyễn Thị K và nhà hai tầng, các công trình xây dựng khác trên thửa đất này.

Xét hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân S và Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân S về Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Quá trình giải quyết vụ án, anh S, chị K không có ý kiến gì về hợp đồng thế chấp. Yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân xã X về việc ghi nội dung liên quan đến xử lý tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng X và nghĩa vụ tiếp tục trả nợ của anh S, chị K đến khi khoản nợ được tất toán phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp. Do đó, căn cứ các Điều 299, 300, 301, 307, 317, 320 Bộ luật Dân S, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận các yêu cầu nêu trên của Quỹ tín dụng X

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ chi phí tố tụng 10.000.000đ (mười triệu đồng) và phải nộp tiền án phí dân S sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 300, 301, 307, 317, 320, 466, 468, 470 Bộ luật Dân S; Điều 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân S:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã X.

1. Buộc ông Phạm Quốc S, bà Trần Thị K phải thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân xã X toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến 15/8/2023 là 646.949.000đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); lãi trong hạn 14.915.000đ (mười bốn triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng); lãi suất quá hạn 322.770.000đ (ba trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng); lãi phạt 9.264.000đ (chín triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày 16/8/2023, ngoài việc trả nợ gốc, ông Phạm Quốc S, bà Trần Thị K còn phải tiếp tục thanh toán trả nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo hợp đồng tín dụng 2016 - 0252/HĐTD ngày 02 tháng 6 năm 2016 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Quỹ tín dụng nhân dân xã X có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K để thu hồi khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã X. Tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 155m² tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 8 xã X, GCNQSDĐ tên ông Phạm Quốc S, bà Nguyễn Thị K và nhà mái bằng, các công trình xây dựng trên thửa đất này.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, vợ chồng anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K phải tiếp tục trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã X khoản tiền còn lại cho đến khi tất cả các khoản nợ được tất toán.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Phạm Quốc S, chị Trần Thị K phải nộp 29.877.960đ (hai mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm sáu mươi đồng). Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã X số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân S sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0006641 ngày 12-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân S huyện H.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân S; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân S.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Anh;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe